

CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG CẢ NƯỚC
KHU VỰC NÔNG THÔN
Tháng 01 năm 2014

Đơn vị tính: %

	CHỈ SỐ GIÁ THÁNG 01 NĂM 2014 SO VỚI		
	<i>Kỳ gốc năm 2009</i>	<i>Tháng 01 năm 2013</i>	<i>Tháng 12 năm 2013</i>
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG	157,32	105,30	100,71
I, Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	160,12	104,92	100,82
1- Lương thực	145,76	103,37	101,50
2- Thực phẩm	163,31	104,95	100,77
3- Ăn uống ngoài gia đình	167,38	106,70	100,34
II, Đồ uống và thuốc lá	138,95	104,63	100,88
III, May mặc, mũ nón, giày dép	148,62	106,05	100,88
IV, Nhà ở và vật liệu xây dựng (*)	168,66	106,41	100,95
V, Thiết bị và đồ dùng gia đình	132,76	104,03	100,39
VI, Thuốc và dịch vụ y tế	199,78	109,32	100,22
Trong đó: Dịch vụ y tế	231,15	110,67	100,21
VII, Giao thông	150,21	103,77	101,21
VIII, Bưu chính viễn thông	88,19	99,63	100,00
IX, Giáo dục	193,34	106,00	100,01
Trong đó: Dịch vụ giáo dục	212,62	106,25	100,00
X, Văn hoá, giải trí và du lịch	122,60	103,00	100,15
XI, Hàng hoá và dịch vụ khác	153,16	105,32	100,62

(*) Nhóm này bao gồm: tiền thuê nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng.